

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**

**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 9.10.2021**

---

## **Kinh Māgha (Māgasuttam)**

**CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM THỨ NHẤT (S.i,47)**

Nội dung giống như kinh:

### **SÁT HẠI GÌ ĐƯỢC BẠC THÁNH TÁN ĐỒNG?**

#### **Kinh Đoạn Sát (Chetvāsuttam)**

**CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM GIÀ (S.i,41)**

## **Kinh Māghadha (Māghadha)**

**CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM THỨ NHẤT (S.i,48)**

Nội dung giống như kinh:

### **VÔ LƯỢNG QUANG**

#### **Kinh Ánh Sáng (Pajjotasuttam)**

**CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM KIỂM (S.i,15)**

## **BẠC KHÔNG CẦN NỖ LỰC**

### **Kinh Dāmali (Dāmalisuttam)**

**CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM THỨ NHẤT (S.i,49)**

*Có những giá trị người đời nghĩ là tuyệt đối nhưng kỳ thật nằm trong đối đãi. Thuốc chỉ có giá trị để trị bệnh nếu không có bệnh thì không thể nói thuốc hay hoặc dở. Sự tinh cần nỗ lực đúng là vô cùng cần thiết với người tu tập nhưng với bậc đã viên mãn giải thoát thì sự nhấn mạnh tinh cần là không đúng chỗ. Chúng sanh thường đưa ra luận điểm nhưng không trong thế giới tương đối này phải hỏi rõ là nói ở phương diện nào.*



## Kinh Văn

### Sāvattthinidānaṃ.

1) Tại Sāvattthī.

**Atha kho dāmali devaputto abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇo kevalakappaṃ jetavanaṃ obhāsetvā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhāsi. Ekamantaṃ ṭhito kho dāmali devaputto bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi –**

2) Thiên tử Dāmali, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Dāmali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

3) **“Karaṇīyametaṃ brāhmaṇena, padhānaṃ akilāsunā;  
Kāmānaṃ vippahānena, na tenāsīsate bhava”nti.**

Ở đây, Bà-la-môn,  
Tỉnh cần, không biếng nhác,  
Đoạn trừ các dục vọng,  
Nhờ vậy không tái sanh.

4) Thế Tôn bèn trả lời:

**“Natthi kiccaṃ brāhmaṇassa (dāmalīti bhagavā),  
Katakicco hi brāhmaṇo.**

**“Yāva na gādhaṃ labhati nadīsu,  
Āyūhati sabbagattebhi jantu;  
Gādhañca laddhāna thale ṭhito yo,  
Nāyūhatī pāragato hi sova [soti (sī. pī. ka.), hoti (syā. kaṃ.), so (?)].**

**“Esūpamā dāmali brāhmaṇassa,  
Khīṇāsavassa nipakassa jhāyino;  
Pappuyya jātimaraṇassa antaṃ,  
Nāyūhatī pāragato hi so”ti [hotīti (syā. kaṃ.)].**

Ôi này Dāmali,  
Với vị Bà-la-môn,  
Không còn gì phải làm,  
Việc phải làm đã làm,  
Chính là Bà-la-môn.  
Chúng sanh đủ tay chân,  
Không tìm được chân đứng,  
Trôi giạt và chìm nổi,  
Trong biển rộng, sông dài.  
Tìm được chỗ chân đứng,  
Khô ráo vị ấy đứng,  
Đã đến bờ bên kia,  
Vị ấy không trôi giạt.  
Vậy này Dāmali,  
Ví dụ ấy là vậy.  
Cũng vậy Bà-la-môn,  
Đoạn trừ các lậu hoặc,  
Sáng suốt và kín đáo,  
Tinh tấn tu Thiền định.  
Vị ấy đã đạt được,  
Tận cùng đường sanh tử,  
Đã đến bờ bên kia,  
Nên không còn trôi giạt.

Bản hiệu đính:

[Thiên tử]

*Điều Phạm chí nên làm,  
Là nỗ lực không ngừng,  
Các dục vọng không còn,  
Chẳng mong cầu sanh hữu.*

[Đức Thế Tôn]

*Hỡi này Dāmali,  
Đối với bậc Phạm chí,  
Không còn việc phải làm,  
Giữa dòng đời trôi dạt.*

*Ví như người giữa sông,  
Không chạm đáy để đứng,  
Vớ chân tay vẩy vùng,  
Khi đã lên bờ rồi,  
Có cần chi bơi lội.*

*Giống như ví dụ này,  
Hỡi này Dāmali,  
Bậc Phạm chí vô nhiễm,  
Bậc minh trí thiên tịnh,  
Đã đoạn tận tử sinh,  
Không cần ra sức nữa,  
Vì đã đến bờ kia.*



**Karaṇīyametaṃ brāhmaṇena** = Đây là điều bậc Phạm chí cần làm

**Padhānaṃ akilāsunā** = Nỗ lực không ngừng nghỉ.

**Kāmānaṃ vipphānena** = Đoạn tận các dục vọng.

**Na tenāsīsate bhavan” ti** = Không mong cầu sanh hữu.

**Natthi kiccaṃ brāhmaṇassa** = Bậc Phạm chí không có việc phải làm.

**(dāmalīti bhagavā)** = (Đức Thế Tôn nói với Dāmali)

**Katakicco hi brāhmaṇo** = Phạm chí đã làm việc cần làm.

**Yāva na gādhaṃ labhati nadīsu** = Với người đang giữa dòng sông chân chưa chạm đáy.

**Āyūhati sabbagattebhi jantu** = Phải vung vẩy với tất cả tay chân.

**Gādhañca laddhāna thale ʘhito yo** = Nhưng với một người đã chạm đáy và đứng trên đất khô.

**Nāyūhatī pāragato hi sova** = Không cần phải nỗ lực vì đã đến bờ kia.

**Esūpamā dāmali brāhmaṇassa** = Hỡi Dāmali đây là dụ ngôn về Phạm chí.

**Khīṇāsavassa nipakassa jhāyino** = Bậc thiền tịnh minh trí lậu tận.

**Pappuyya jātimaraṇassa antaṃ** = Vì đã đạt đến sự chấm dứt sanh tử.

**Nāyūhatī pāragato hi so” ti** = Nên không cần nỗ lực vì đã đến bờ kia.



### **Thích nghĩa**

*Theo Sớ giải chữ Phạm chí – Brahmana – ở đây chỉ cho bậc Ứng cúng la hán. Vị thiên tử này chấp kiến sai lạc rằng ngay cả một bậc hoàn toàn giải thoát cũng cần phải tiếp tục nỗ lực. Đức Thế Tôn trả lời phủ bác cái nhìn đó vì A la hán là “bậc đã làm những gì cần làm.*

*Cũng theo Sớ giải đây là trường hợp cá biệt (asaṅkinṇā) duy nhất trong kinh điển mà Đức Phật không tán thán sự nỗ lực khi đề cập như việc cần làm của chư vị A la hán.*

**Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu**  
**Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng**  
**-ooOoo-**

## 5. Dāmalisuttam [Mūla]

86. Sāvattthinidānaṃ. Atha kho dāmali devaputto abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇo kevalakappaṃ jetavanaṃ obhāsetvā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtīvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhāsi. Ekamantaṃ t̥hito kho dāmali devaputto bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi –

“Karaṇīyametaṃ brāhmaṇena, padhānaṃ akilāsunā;  
Kāmānaṃ vipphānena, na tenāsīsate bhava’nti.

“Natthi kiccaṃ brāhmaṇassa (dāmalīti bhagavā),  
Katakicco hi brāhmaṇo.

“Yāva na gādhaṃ labhati nadīsū,  
Āyūhati sabbagattebhi jantu;  
Gādhañca laddhāna thale t̥hito yo,  
Nāyūhatī pāragato hi sova [soti (sī. pī. ka.), hoti (syā. kaṃ.), so (?)].

“Esūpamā dāmali brāhmaṇassa,  
Khīṇāsavassa nipakassa jhāyino;  
Pappuyya jātimaraṇassa antaṃ,  
Nāyūhatī pāragato hi so’ti [hotīti (syā. kaṃ.)].

## 5. Dāmalisuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

86. Pañcame **na tenāsīsate bhavanti** tena kāraṇena yaṃ kiñci bhavaṃ na pattheti. Āyatapaggaho nāmesa devaputto, khīṇāsavassa kiccavosānaṃ natthi. Khīṇāsavena hi ādito arahattappattiyā vīriyaṃ kataṃ, aparabhāge mayā arahattaṃ pattanti mā tuṅhī bhavatu, tatheva vīriyaṃ daḷhaṃ karotu parakkamatūti cintetvā evamāha.

Atha bhagavā “ayaṃ devaputto khīṇāsavassa kiccavosānaṃ akathento mama sāsanaṃ aniyyānikaṃ katheti, kiccavosānamassa kathessāmī”ti cintetvā **natthi kiccantiādimāha**. Tīsu kira piṭakesu ayaṃ gāthā asaṃkiṇṇā. Bhagavatā hi aññattha vīriyassa doso nāma dassito natthi. Idha pana imaṃ devaputtaṃ paṭibāhitvā “khīṇāsavena pubbabhāge āsavakkhayatthāya araññe vasantena kammaṭṭhānaṃ ādāya vīriyaṃ kataṃ, aparabhāge sace icchati, karotu, no ce icchati, yathāsukhaṃ viharatū”ti khīṇāsavassa kiccavosānadassanattaṃ evamāha. Tattha **gādhanti** patiṭṭhaṃ. Pañcamaṃ.